



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thừa Thiên Huế*

Số 10

Ngày 08 tháng 3 năm 2018

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

28-02-2018	Quyết định số 509/QĐ-UBND công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2017.	02
01-3-2018	Quyết định số 513/QĐ-UBND ban hành quy định về trình tự, thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông đối với các thủ tục hành chính đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	29
02-3-2018	Chỉ thị số 06/CT-UBND về việc triển khai thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.	46

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 509/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH****Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2017****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 09/TTr-STP ngày 25 tháng 01 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực đến 31/12/2017 (có Danh mục kèm theo), bao gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ: 79 văn bản (23 Nghị quyết, 53 Quyết định và 03 Chỉ thị).

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần: 21 văn bản (03 Nghị quyết và 18 Quyết định).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH****Đinh Khắc Đính**

**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ**  
**ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
<b>I. Lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường</b>					
1.	Nghị quyết	01/2012/NQ-HĐND Ngày 10/4/2012	Về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/12/2017
2.	Nghị quyết	14/2016/NQ-HĐND Ngày 09/12/2016	Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2017.	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản.	31/12/2017
3.	Quyết định	2661/2007/QĐ-UBND Ngày 03/12/2007	Về việc ban hành quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế.	05/02/2018
4.	Quyết định	28/2012/QĐ-UBND Ngày 31/8/2012	Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/7/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
5.	Quyết định	29/2013/QĐ-UBND ngày 29/7/2013	Về việc ban hành quy định về quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	15/8/2017
6.	Quyết định	19/2016/QĐ-UBND Ngày 18/3/2016	Về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bãi bỏ.	25/9/2017
7.	Chỉ thị	66/2015/CT-UBND Ngày 05/12/2015	Về tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép trên địa bàn tỉnh.	Do Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 25/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, vận chuyển cát, sỏi lòng sông, bãi bồi trái phép trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	25/3/2017
<b>II. Lĩnh vực: Tài chính</b>					
8.	Nghị quyết	8c/2003/NQ-HĐND4 Ngày 27/01/2003	Về thu, quản lý, sử dụng các loại phí	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 8c/2003/NQ-HĐND4	20/12/2017
9.	Nghị quyết	3h/2004/NQ-HĐND5 Ngày 10/12/2004	Về phí chợ.	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 3h/2004/NQ-HĐND5	20/12/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
10.	Nghị quyết	15m/2010/NQ-HĐND Ngày 09/12/2010	Về mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy.	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 15m/2010/NQ-HĐND	20/12/2017
11.	Nghị quyết	08/2013/NQ-HĐND Ngày 19/7/2013	Về điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 08/2013//NQ-HĐND	20/12/2017
12.	Nghị quyết	16/2013/NQ-HĐND Ngày 12/12/2013	Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND	20/12/2017
13.	Nghị quyết	17/2013/NQ-HĐND Ngày 12/12/2013	Về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng bến thuyền du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND	20/12/2017
14.	Nghị quyết	18/2013/NQ-HĐND Ngày 12/12/2013	Về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cầu phao dân sinh trên sông Tả Trạch.	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND	20/12/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
15.	Nghị quyết	06/2014/NQ-HĐND Ngày 18/7/2014	Về việc quy định mức thu phí sử dụng hè đường, lề đường, lòng đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Huế thay thế	01/8/2017
16.	Nghị quyết	08/2014/NQ-HĐND Ngày 24/10/2014	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế thay thế	01/9/2017
17.	Quyết định	4582/2004/QĐ-UB Ngày 30/12/2004	Về quy định mức thu phí chợ	Do Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	15/7/2017
18.	Quyết định	04/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010	Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	25/12/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
19.	Quyết định	43/2011/QĐ-UBND Ngày 19/12/2011	Ban hành quy định trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	31/8/2017
20.	Quyết định	35/2013/QĐ-UBND Ngày 06/9/2013	Ban hành mức thu thủy lợi phí đối với vùng được tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu, ngăn mặn giữ ngọt và tưới tiêu chủ động một phần từ các công trình thủy lợi	Do Quyết định số 95/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ thủy lợi đối với vùng được tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu, ngăn mặn giữ ngọt và tưới tiêu chủ động một phần từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/12/2017
21.	Quyết định	58/2014/QĐ-UBND Ngày 28/08/2014	Về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng hệ đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Huế thay thế	01/10/2017
22.	Quyết định	2044/QĐ-UBND Ngày 14/10/2014	Về việc kinh phí để tổ chức thực hiện khai hoang, phục hóa, cải tạo các vùng đất trồng lúa kém chất lượng, đất trồng trọt khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	15/02/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
23.	Quyết định	69/2014/QĐ-UBND Ngày 20/11/2014	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế	Do Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế thay thế	01/9/2017
24.	Quyết định	78/2014/QĐ-UBND Ngày 29/12/2014	Về việc ban hành giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/02/2018
25.	Quyết định	2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	Về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn	Do Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	25/12/2017
26.	Quyết định	241/QĐ-UBND ngày 04/02/2017	Về việc ban hành tạm thời mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 94/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/01/2018
27.	Quyết định	10/2017/QĐ-UBND Ngày 21/02/2017	Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Hết thời gian có hiệu lực đã được quy định tại Điều 3 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND	01/01/2018



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
28.	Quyết định	20/2017/QĐ-UBND Ngày 21/4/2017	Quy định tạm thời mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Đại Nội về đêm thuộc quần thể di tích Cố đô Huế	Do Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế thay thế	01/9/2017
<b>III. Lĩnh vực: Y tế</b>					
29.	Nghị quyết	17/2012/NQ-HĐND Ngày 10/12/2012	Quy định mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý.	Do Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/8/2017
30.	Nghị quyết	02/2014/NQ-HĐND Ngày 18/07/2014	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý	Do Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/8/2017
31.	Quyết định	41/2012/QĐ-UBND Ngày 21/12/2012	Về việc Quy định mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý.	Do Quyết định số 74/2017/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh thay thế	01/10/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
32.	Quyết định	28/2014/QĐ-UBND Ngày 30/5/2014	Ban hành Quy định một số chính sách về Dân số và kế hoạch hóa gia đình	Do Quyết định số 84/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/10/2017
<b>IV. Lĩnh vực: Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>					
33.	Quyết định	14/2011/QĐ-UBND Ngày 29/4/2011	Về việc ban hành quy chế tạm thời về phối hợp quản lý, tổ chức tiếp đón, phục vụ khách du lịch quốc tế bằng tàu biển cập cảng Chân Mây	Do Quyết định số 92/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế tạm thời phối hợp, quản lý, tiếp đón, phục vụ khách du lịch Quốc tế bằng tàu biển cập cảng Chân Mây	25/11/2017
34.	Quyết định	56/2014/QĐ-UBND Ngày 21/8/2014	Về việc ban hành quy định một số vấn đề trong việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2015, định hướng đến năm 2020	Do Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số vấn đề trong việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020 thay thế	01/9/2017 (Theo Công văn số 5978/UBND-VH)
<b>V. Lĩnh vực: Kế hoạch và Đầu tư</b>					
35.	Nghị quyết	17/2016/NQ-HĐND Ngày 09/12/2016	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017	Do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018	19/12/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
36.	Nghị quyết	30/2017/NQ-HĐND Ngày 14/7/2017	Về các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2017.	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.	01/01/2018
37.	Quyết định	3033/QĐ-UBND Ngày 31/12/2007	Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2015, định hướng đến năm 2020	Do Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 thay thế	18/01/2018
38.	Quyết định	1175/2007/QĐ-UBND Ngày 22/5/2007	Về việc ban hành Quy định cấp, điều chỉnh, đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trong đó có Quyết định số 1175/2007/QĐ-UBND	25/01/2018
39.	Quyết định	2866/2008/QĐ-UBND Ngày 18/12/2008	Về việc ủy quyền giải quyết một số thủ tục trong công tác đầu tư xây dựng công trình thuộc Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên.	Do Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trong đó có Quyết định số 2866/2008/QĐ-UBND	25/01/2018
40.	Quyết định	01/2014/QĐ-UBND Ngày 10/01/2014	Về việc ban hành Ban hành quy định về đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn	Do Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trong đó có Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND	25/01/2018
41.	Quyết định	62/2014/QĐ-UBND Ngày 18/9/2014	Ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ, quản lý và xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 90/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND.	31/10/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>VI. Lĩnh vực: Giao thông vận tải</b>					
42.	Quyết định	21/2014/QĐ-UBND Ngày 13/5/2014	Về việc xếp loại đường bộ để xác định cước vận tải năm 2014 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xếp loại đường bộ để xác định cước vận tải năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	19/4/2017
<b>VII. Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo</b>					
43.	Nghị quyết	05/2016/NQ-HĐND Ngày 31/8/2016	Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2016 - 2017	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND quy định thời hạn thực hiện năm 2016 - 2017 và ngày 13/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2017 - 2018	01/9/2017
44.	Quyết định	66/2016/QĐ-UBND Ngày 22/9/2016	Quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2016 - 2017	Do Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2017 - 2018 thay thế	01/9/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>VIII. Lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>					
45.	Quyết định	1683/QĐ-UBND Ngày 18/8/2014	Quy định đơn giá cây cao su làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/01/2018
46.	Quyết định	67/2015/QĐ-UBND Ngày 22/12/2015	Quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/01/2018
47.	Quyết định	2500/QĐ-UBND Ngày 20/10/2016	Quy định đơn giá cây sen làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/01/2018
48.	Quyết định	2079/QĐ-UBND Ngày 11/9/2017	Quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>IX. Lĩnh vực: Xây dựng - Nhà ở</b>					
49.	Nghị quyết	12c/2009/NQ-HĐND Ngày 24/7/2009	Về lệ phí cấp giấy phép xây dựng và lệ phí cấp biển số nhà	Do Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/8/2017
50.	Quyết định	2656/QĐ-UBND Ngày 25/12/1995	Về việc phê duyệt đề án bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê nhà ở tại tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	15/10/2017
51.	Quyết định	2811/2009/QĐ-UBND Ngày 22/12/2009	Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Do Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/9/2017
52.	Quyết định	36/2010/QĐ-UBND Ngày 28/09/2010	Về việc ban hành Quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước các đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/7/2017
53.	Quyết định	25/2014/QĐ-UBND Ngày 23/5/2014	Quy định mức thu tối đa giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND về việc Quy định mức thu tối đa giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/9/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
54.	Quyết định	57/2014/QĐ-UBND Ngày 27/8/2014	Ban hành Quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	25/8/2017
<b>X. Lĩnh vực: Tư pháp</b>					
55.	Nghị quyết	10/2012/NQ-HĐND Ngày 11/7/2012	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND	20/12/2017
56.	Quyết định	245/2008/QĐ-UBND Ngày 25/01/2008	Quy định tạm thời về quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp và Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã	Do Quyết định số 86/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Tư pháp trong đó có Quyết định số 245/2008/QĐ-UBND	15/10/2017
57.	Quyết định	24/2012/QĐ-UBND Ngày 27/8/2012	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 86/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Tư pháp trong đó có Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND	15/10/2017
58.	Quyết định	62/2014/QĐ-UBND Ngày 18/9/2014	Ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ, quản lý và xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 90/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.	31/10/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
59.	Chỉ thị	33/2010/CT-UBND Ngày 20/10/2010	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ về bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 86/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Tư pháp trong đó có Chỉ thị số 33/2010/CT-UBND	15/10/2017
60.	Chỉ thị	18/2012/CT-UBND Ngày 22/6 /2012	Về việc tăng cường công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh	Do Quyết định số 86/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực Tư pháp trong đó có Chỉ thị số 18/2012/CT-UBND	15/10/2017
<b>XI. Lĩnh vực: Công Thương</b>					
61.	Nghị quyết	14m/2010/NQ-HĐND Ngày 23/7/2010	Về việc quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	Do Nghị quyết số 34/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong đó có Nghị quyết số 14m/2010/NQ-HĐND	20/12/2017
62.	Quyết định	35/2010/QĐ-UBND Ngày 16/9/2010	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Do Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã bãi bỏ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND	25/02/2018
<b>XII. Lĩnh vực: Tổ chức - cán bộ</b>					
63.	Quyết định	10/2012/QĐ-UBND Ngày 05/6/2012	Ban hành Quy chế xét, tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế xét, tuyên dương, khen thưởng cho doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/12/2017



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
64.	Quyết định	13/2016/QĐ-UBND Ngày 04/02/2016	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.	Do Quyết định số 87/2017/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thay thế.	15/10/2017
65.	Quyết định	55/2016/QĐ-UBND Ngày 20/8/2016	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Do Quyết định số 93/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thay thế	16/11/2017
<b>XIII. Lĩnh vực: Khiếu nại, tố cáo</b>					
66.	Nghị quyết	13/2012/NQ-HĐND Ngày 08/12/2012	Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế.	20/12/2017
67.	Nghị quyết	14/2012/NQ-HĐND Ngày 08/12/2012	Quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế.	20/12/2017
68.	Quyết định	43/2012/QĐ-UBND Ngày 21/12/2012	Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.	Do Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	25/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
69.	Quyết định	05/2013/QĐ-UBND Ngày 29/01/2013	Quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	25/01/2018
<b>XIV. Lĩnh vực: Dân tộc</b>					
70.	Quyết định	60/2014/QĐ-UBND Ngày 09/9/2014	Về việc quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn sống bằng nghề lâm nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	Do Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, sống bằng nghề lâm nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ thay thế	11/9/2017
<b>XV. Lĩnh vực: Quốc phòng - An Ninh</b>					
71.	Nghị quyết	12d/2009/NQ-HĐND Ngày 24/7/2009	Quy định về lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân	Do Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/8/2017
72.	Quyết định	20/2010/QĐ-UBND Ngày 31/5/2010	Quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân	Do Quyết định số 71/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	15/9/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>XVI. Lĩnh vực: Lao động, Thương binh và Xã hội</b>					
73.	Nghị quyết	141/2010/NQ-HĐND Ngày 23/7/2010	Về quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/8/2017
74.	Quyết định	1298/2008/QĐ-UBND Ngày 02/6/2008	Về việc tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, cơ nhỡ, người tâm thần lang thang trên địa bàn tỉnh.	Do Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tập trung người lang thang trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vào nuôi dưỡng tại các cơ sở Bảo trợ xã hội công lập thay thế	16/8/2017
75.	Quyết định	31/2010/QĐ-UBND Ngày 27/8/2010	Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/9/2017
<b>XVII. Lĩnh vực: Thông tin và Truyền thông</b>					
76.	Quyết định	34/2012/QĐ-UBND Ngày 19/10/2012	Ban hành quy định quản lý và hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 101/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	26/12/2017
77.	Quyết định	04/2013/QĐ-UBND Ngày 22/01/2013	Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 7 Quy định quản lý và hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012.	Do Quyết định số 101/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	26/12/2017

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
78.	Quyết định	90/2016/QĐ-UBND Ngày 20/12/2016	Ban hành Quy định tạo lập và sử dụng hồ sơ điện tử, thẻ điện tử trong giao dịch thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Do Quyết định số 88/2017/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	20/10/2017
<b>XVIII. Lĩnh vực: Hành chính - Văn phòng</b>					
79.	Quyết định	07/2014/QĐ-UBND Ngày 10/02/2014	Ban hành Quy chế hoạt động của hệ thống cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.	Do Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế hoạt động của hệ thống cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	13/02/2018
<b>B. VĂN BẢN NGUNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: 0 văn bản</b>					

**Tổng cộng: 79 văn bản**

## DANH MỤC

### Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần đến hết ngày 31/12/2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

#### A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
<b>I. Lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường</b>					
1.	Quyết định	71/2014/QĐ-UBND Ngày 26/11/2014 Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 22 và Điều 39	Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND Ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.	15/8/2017
2.	Quyết định	75/2014/QĐ-UBND Ngày 22/12/2014 Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015 - 2019)	- Tại các Phường sau đây của Thành phố Huế: Phú Hiệp, Phú Hậu, Kim Long, Hương Long, Thủy Xuân, Phường Đức. - Tại Huyện Phú Lộc: Xã Lộc Tiến, Xã Lộc Vĩnh, Xã Lộc Thủy, Thị trấn Lăng Cô.	Ngày 01/06/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015 - 2019).	11/6/2016

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>- Thị xã Hương Trà: Khu quy hoạch Khu dân cư tổ dân phố 4 phường Tứ Hạ; Khu quy hoạch dân cư Tổ dân phố 1, phường Hương Văn; Khu quy hoạch tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Quốc lộ 1A qua phường Hương Xuân.</p>		
<b>II. Lĩnh vực: Tài chính</b>					
3.	Nghị quyết	<p>14n/2010/NQ-HĐND Ngày 23/7/2010 Về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế</p>	<p>- Điểm d Khoản 1.2 Mục I Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND.</p> <p>- Điểm g, khoản 1.2, mục I, Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND.</p> <p>- Điểm a, điểm b, khoản 4, mục I, Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND</p> <p>- Điểm a, khoản 3, mục III, Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND</p>	<p>- Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND ngày 17/4/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND 17/4/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi điểm g, khoản 1.2, mục I, Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND</p> <p>- Khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND sửa đổi điểm a, điểm b, khoản 4, mục I, Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND</p> <p>- Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND sửa đổi điểm a, khoản 3, mục III, Điều 1 của Nghị quyết số 14n/2010/NQ-HĐND</p>	01/05/2013

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
4.	Nghị quyết	04/2013/NQ-HĐND Ngày 17/4/2013 Về việc quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND	Điểm d Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở thôn, bản (gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND	22/12/2014
5.	Quyết định	1400/QĐ-UBND Ngày 13/7/2009 Về việc quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh Thừa Thiên Huế	Một số nội dung trong Quyết định số 1400/QĐ-UBND bị thay thế	Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế một số nội dung tại Quyết định số 1400/QĐ-UBND	01/01/2013
6.	Quyết định	39/2010/QĐ-UBND Ngày 05/10/2010 Về chế độ chi đón tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Điểm d Khoản 1.2 mục 1 Điều 3.  - Điểm g Khoản 1.2 mục 1 Điều 3 - Điểm a Khoản 3 Điều 5	- Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ chi đón tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung.  - Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung - Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung	01/7/2013

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
7.	Quyết định	11/2013/QĐ-UBND Ngày 02/4/2013 Quy định về chế độ học bổng cho lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế.	Khoản 1 Điều 4	Do Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 4 Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND về chế độ học bổng cho lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế	08/11/2016
8.	Quyết định	30/2014/QĐ-UBND Ngày 25/6/2014 Quy định mức thủy lợi phí, tiền nước, phí dịch vụ thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 1  - Điểm d khoản 1 Điều 1	Do Điều 4 Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bãi bỏ  Do Quyết định số 95/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định giá dịch vụ thủy lợi đối với vùng được tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu, ngăn mặn giữ ngọt và tưới tiêu chủ động một phần từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế	01/6/2017  01/12/2017
9.	Quyết định	55/2014/QĐ-UBND Ngày 21/8/2014 Quy định việc lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Điều 2; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 3; Điều 6; khoản 1 Điều 8	Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND quy định việc lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung	15/3/2017



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
10.	Quyết định	07/2015/QĐ-UBND Ngày 30/01/2015 Quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Điều 2	Điều 1 Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 2 Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND	01/12/2016
11.	Quyết định	30/2017/QĐ-UBND Ngày 12/5/2017 Về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Phụ lục 1 đính kèm tại Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Do Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, điều chỉnh Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định thay thế	19/8/2017
<b>III. Lĩnh vực: Lao động, Thương binh và Xã hội</b>					
12.	Quyết định	50/2013/QĐ-UBND Ngày 10/12/2013 Ban hành Quy định phân cấp quản lý, lập danh sách mua, cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Điều 6 và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND	Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về phân cấp quản lý, lập danh sách mua, cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung Điều 6 và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND	17/5/2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
13.	Quyết định	47/2015/QĐ-UBND Ngày 07/10/2015 Ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiệm ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Khoản 3, Điều 1 Quy chế	Điều 1 Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiệm ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh bãi bỏ.	20/7/2017
<b>IV. Lĩnh vực: Văn hóa, thể thao và Du lịch</b>					
14.	Quyết định	42/2012/QĐ-UBND Ngày 21/12/2012 Quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế	Khoản 3, Điều 2	Điều 1 Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 14/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc sửa đổi quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung	24/01/2013
<b>V. Lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>					
15.	Nghị quyết	8i/2010/NQCD-HĐND Ngày 02/6/2010 Về việc thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2009 - 2020	- Điểm a, b, c, h Khoản 3 Điều 1	Điều 1 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 08/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 8i/2010/NQCD-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh	18/4/2016

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
16.	Quyết định	17/2010/QĐ-UBND Ngày 31/5/2010 Về việc ban hành giá thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá thuê nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Huế	Nội dung của khoản 1 Điều 1	Điều 1 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND	16/6/2014
17.	Quyết định	34/2011/QĐ-UBND Ngày 19/9/2011 Về việc ban hành quy chế đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Khoản 5, 6 Điều 3; khoản 3 Điều 13 và bổ sung khoản 4 Điều 13 của Quy chế đánh số và gắn biển số nhà ban hành kèm theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND.	Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND.	20/9/2014
<b>VI. Lĩnh vực: Khiếu nại và Tố cáo</b>					
18.	Quyết định	26/2014/QĐ-UBND Ngày 23/5/2014 Ban hành Quy định về việc tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	Mục I Chương II của Quy định	Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục công bố Quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã hủy bỏ Mục I Chương II của quy định về tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014.	06/9/2015

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>VII. Lĩnh vực: Tổ chức cán bộ</b>					
19.	Quyết định	675/2008/QĐ-UBND Ngày 25/3/2008 Về việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Khoản 8 Điều 1  - Khoản 20 Điều 1	- Quyết định số 889/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 8, Điều 1 Quyết định số 675/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. - Điều 3 Quyết định số 1242/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 về sáp nhập ban Tôn giáo vào Sở Nội vụ bãi bỏ Khoản 20 Điều 1 Quyết định số 675/2008/QĐ-UBND.	28/4/2008
20.	Quyết định	682/2008/QĐ-UBND Ngày 25/3/2008 Về việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện.	- Tại tiêu đề Điều 1 Quyết định số 682/2008/QĐ-UBND được sửa đổi - Khoản 3 Điều 1 - Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 682/2008/QĐ-UBND	- Sửa đổi, bổ sung thêm bởi khoản 4 Điều 1 Quyết định 2650/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 682/2008/QĐ-UBND; - Quyết định số 2650/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 682/2008/QĐ-UBND; - Quyết định số 2650/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 682/2008/QĐ-UBND.	05/12/2013
21.	Quyết định	16/2015/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế	- Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND - Điểm a Khoản 4, Khoản 8, Khoản 20 Điều 2 Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND - Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND	- Sửa đổi, bổ sung thêm bởi Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 103/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND; - Quyết định số 103/2017/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 4, Khoản 8, Khoản 20 Điều 2 Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND; - Quyết định số 103/2017/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND	15/01/2018
<b>B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản</b>					

**Tổng cộng: 21 văn bản**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 513/QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 3 năm 2018*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông đối với các thủ tục hành chính đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 29 tháng 8 năm 1994; Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

Căn cứ Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐT BXH ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44-TBXH/VHC/LB ngày 08 tháng 4 năm 1985 của Bộ Thương binh và Xã hội, Viện Huân chương về việc hướng dẫn thực hiện chủ trương của Hội đồng Nhà nước về việc tặng thưởng Huân chương độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sỹ hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về trình tự, thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông đối với các thủ tục hành chính đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm công bố công khai bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, địa phương. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Quy định kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Khắc Đính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về trình tự, thủ tục thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông đối với các thủ tục hành chính đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về hồ sơ, trình tự, thời gian thực hiện thủ tục theo cơ chế một cửa liên thông từ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) đến Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) và đến các cơ quan cấp tỉnh đối với các thủ tục sau:

1. Thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.
2. Thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã;
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện;
3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
4. Người có công với cách mạng và thân nhân có yêu cầu giải quyết chế độ;
5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

##### **Điều 3. Quy định về mẫu biểu**

Các biểu mẫu ban hành kèm theo quy định này được ban hành kèm theo Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 44-TBXH/VHC/LB ngày 08/4/1985 của Bộ Thương binh và Xã hội và Viện Huân chương.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

##### **Mục 1**

#### **THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ TẶNG HOẶC TRUY TẶNG DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC “BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG”**

##### **Điều 4. Quy định về hồ sơ**

1. Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã, 03 bộ hồ sơ gồm:
  - a) Bản khai cá nhân theo Mẫu số 01a/BMAH hoặc thân nhân của bà mẹ kê khai theo Mẫu số 01b/BMAH, kèm theo giấy ủy quyền của gia đình về việc lập hồ sơ

đề nghị truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” đối với người thuộc diện truy tặng còn nhiều người con hoặc Biên bản ủy quyền của họ tộc đối với người thuộc diện truy tặng không còn con theo Mẫu số 02/BMAH;

Trường hợp bà mẹ đã từ trần, việc đề nghị truy tặng do người được gia đình, họ tộc ủy quyền thực hiện, mà người đó không ở nơi bà mẹ cư trú khi còn sống thì hồ sơ phải có văn bản xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ thương binh, liệt sĩ; văn bản của chính quyền địa phương nơi bà mẹ cư trú khi còn sống xác nhận về việc chưa lập hồ sơ đề nghị truy tặng và tình trạng nhân thân của bà mẹ (có mấy con, có tái giá hay không, thái độ chính trị, việc chấp hành chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước) theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công, Giấy chứng nhận thương binh có chứng thực của UBND cấp xã.

Trường hợp Bằng “Tổ quốc ghi công” bị mất, hư hỏng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương căn cứ hồ sơ liệt sĩ đang quản lý và thực hiện chế độ ưu đãi để thực hiện việc kiểm tra, xác nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (theo Mẫu số 05/XN).

2. UBND cấp xã chuyển 03 bộ hồ sơ đến UBND cấp huyện, hồ sơ gồm:

a) Các giấy tờ quy định tại Khoản 1, Điều này;

b) Biên bản xét duyệt của UBND cấp xã theo Mẫu số 3/BMAH;

c) Tờ trình kèm theo danh sách theo Mẫu số 04/BMAH đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” của UBND cấp xã.

3. UBND cấp huyện chuyển 03 bộ hồ sơ đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, hồ sơ gồm:

a) Các giấy tờ quy định tại Khoản 2, Điều này;

b) Tờ trình kèm theo Danh sách tổng hợp của UBND cấp huyện.

### **Điều 5. Quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả**

1. Bà mẹ hoặc thân nhân của bà mẹ lập bản khai cá nhân hoặc thân nhân kèm theo giấy tờ làm căn cứ xét duyệt (3 bộ), nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nơi bà mẹ đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với bà mẹ còn sống) hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người được ủy quyền kê khai.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức họp xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” với thành phần đại diện cấp ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quân sự, công an và các đoàn thể có liên quan;

b) Lập hồ sơ (03 bộ), ký Tờ trình kèm theo danh sách trình Chủ tịch UBND cấp huyện.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.



3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định theo quy định;

b) Ký Tờ trình kèm theo danh sách và hồ sơ (03 bộ) trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ, tổ chức thực hiện việc xác nhận liệt sĩ, thương binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định, tổng hợp và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch UBND tỉnh ký Tờ trình kèm theo danh sách và hồ sơ (03 bộ) trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

#### **Điều 6. Quy định về phí, lệ phí**

Không thu phí, lệ phí.

### **Mục 2**

#### **THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ**

#### **TẶNG HOẶC TRUY TẶNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP**

#### **Điều 7. Quy định về hồ sơ**

Hồ sơ lập thành 03 bộ, gồm:

1. Bản kê khai về người được đề nghị khen thưởng theo Mẫu số 01/HCDL;

2. Các giấy tờ xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về các liệt sĩ, thương binh được tính để xét khen thưởng.

Ngoài ra, đối với các liệt sĩ là con rể, cháu ngoại (những người này chỉ được tính trong trường hợp đặc biệt như cùng sống chung trong một nhà, có quan hệ kinh tế, chính trị, và tình cảm như con đẻ, cháu nội), có sự xác nhận của chính quyền cấp xã. Đối với liệt sĩ là con dâu được tính hoặc ở gia đình bên chồng hoặc ở gia đình bên vợ nhưng chỉ được tính một lần, ở một bên theo sự thoả thuận của hai gia đình và được chính quyền xã, phường xác nhận.

#### **Điều 8. Quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ vào những tiêu chuẩn và điều kiện khen thưởng quy định trong Thông tư này và hồ sơ, danh sách các gia đình có nhiều liệt sĩ mà Sở đang quản lý, lọc ra những gia đình dự kiến nằm trong diện được xét khen thưởng, lập danh sách những gia đình trên của từng huyện, thị xã, thành phố Huế.

Phối hợp với UBND cấp huyện giao trách nhiệm cho các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có kết quả rà soát danh sách, căn cứ vào danh sách những gia đình dự kiến nằm trong diện được xét khen thưởng, cử cán bộ xuống tận xã, phường, thị trấn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, tự tay làm bản kê khai về người được đề nghị khen thưởng, chú ý không để gia đình liệt sĩ phải làm.

Bản kê khai này làm xong phải có chữ ký của gia đình liệt sĩ, sự xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và do cán bộ làm bản kê khai đó chuyển đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan kiểm tra và bổ sung tài liệu (nếu cần), trong đó có nội dung về điều kiện khen thưởng quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 44-TBXH/VHC/LB ngày 08/4/1985 của Bộ Thương binh và Xã hội, Viện Huân chương. Những trường hợp đủ tiêu chuẩn khen thưởng, lập tờ trình, danh sách gửi hồ sơ đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị của cấp huyện, kiểm tra, xác nhận thông tin về liệt sĩ, thương binh, hoàn chỉnh hồ sơ, lập danh sách đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ làm thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị khen thưởng.

4. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tiếp nhận thẩm định và hoàn thiện thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ xét quyết định khen thưởng.

5. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xét hồ sơ và gửi hồ sơ đề nghị Chính phủ khen thưởng.

Đề nghị khen thưởng và hồ sơ gửi về:

- Viện Huân chương, nay là Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương 1 bản.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 1 bản.

### **Điều 9. Quy định về phí, lệ phí**

Không thu lệ phí.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân về nội dung của Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 44-TBXH/VHC/LB ngày 08/4/1985 của Bộ Thương binh và Xã hội và Viện Huân chương; Kiểm tra, xem xét hồ sơ; hướng dẫn cá nhân kê khai và xác nhận vào bản kê khai cho đối tượng, bổ sung (nếu thiếu). Đối với những hồ sơ đã đúng và đủ theo quy định thì tiếp nhận (viết phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả).

2. Trường hợp yêu cầu của cá nhân không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

3. Thực hiện việc giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

4. Đối với những hồ sơ giải quyết quá thời gian quy định thì phải thông báo cho cá nhân biết, trình bày rõ lý do trễ hạn và hẹn lại ngày trả kết quả.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chỉ đạo, đôn đốc phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nghiêm túc thực hiện việc giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

2. Chỉ đạo Trung tâm Hành chính công cấp huyện thường xuyên theo dõi, nắm tình hình việc tiếp nhận hồ sơ người có công của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để đốc thúc đẩy nhanh quá trình giải quyết, đồng thời cập nhật số lượng hồ sơ địa phương phải giải quyết.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Thực hiện giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng thời gian theo quy định. Nếu vì lý do khách quan việc giải quyết hồ sơ bị chậm thì phải thông báo cho các cơ quan, địa phương biết để báo lại cho cá nhân nộp hồ sơ.

2. Chỉ đạo phòng chuyên môn giải quyết kịp thời các hồ sơ liên quan đến các thủ tục trên.

3. Chỉ đạo Văn phòng Sở thường xuyên theo dõi tình hình giải quyết hồ sơ người có công, báo cáo Lãnh đạo Sở những hồ sơ giải quyết quá thời gian quy định để có sự chỉ đạo đẩy nhanh quá trình giải quyết.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

Chỉ đạo Ban Thi đua - Khen thưởng thực hiện giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng thời gian theo quy định. Nếu vì lý do khách quan việc giải quyết hồ sơ chậm phải thông báo cho các cơ quan, địa phương biết để báo lại cho cá nhân nộp hồ sơ đối với hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và người ký Bản kê khai đối với hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng Huân chương độc lập.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan**

Phối hợp với UBND cấp xã, UBND cấp huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết tốt các hồ sơ liên quan đến chính sách người có công đúng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo thời hạn quy định.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có sự thay đổi các quy định thủ tục hành chính liên quan đến hai thủ tục trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kịp thời báo cáo, xây dựng các thủ tục hành chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, ban hành./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đính Khắc Đính**

## CÁC BIỂU MẪU CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mẫu số 01a/BMAH

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN KHAI CÁ NHÂN

Họ và tên: .....; bí danh:.....;

Ngày, tháng, năm sinh:.....;

Dân tộc: .....; tôn giáo:.....;

Nguyên quán: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....;

Chỗ ở hiện nay:.....;

- Thuộc trường hợp: (*ghi theo các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13*) ..... gồm:

TT	Họ và tên liệt sỹ Họ và tên thương binh	Số Bằng TQGC Số GCNTB - Tỷ lệ	Ngày cấp	Quan hệ với bà mẹ
1				
2				
3				

**Tóm tắt về hoàn cảnh**(*về trường hợp bà mẹ tái giá; con nuôi; tình hình thân nhân; hiện mẹ sống với ai...*)

.....  
 .....  
 .....

**Giấy tờ làm căn cứ xét duyệt, gồm:**

- Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công có chứng thực của UBND xã.
- Bản sao Giấy chứng nhận thương binh tỷ lệ SGKNLĐ từ 81% trở lên có chứng thực của UBND xã.
- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): .....

.....  
 .....

Tôi cam đoan về lời khai trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....Ngày .... tháng.... năm 20....

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Mẫu số 01b/BMAH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI THÂN NHÂN****1. Phần khai về thân nhân của bà mẹ**

Họ và tên người khai: .....; bí danh:..... ;  
 Năm sinh:..... ;  
 Quan hệ với bà mẹ:..... ;  
 Nguyên quán:..... ;  
 Chỗ ở hiện nay:..... ;

**2. Phần khai về bà mẹ**

Họ và tên: .....; bí danh:..... ;  
 Ngày, tháng, năm sinh:..... ;  
 Dân tộc:..... ; tôn giáo:..... ;  
 Nguyên quán:..... ;  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..... ;  
 Ngày, tháng, năm hy sinh (nếu là liệt sỹ), từ trần:.....  
 ..... tại..... ;

- Thuộc trường hợp: (ghi theo các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13) gồm:

TT	Họ và tên liệt sỹ Họ và tên thương binh	Số Bằng TQGC Số GCNTB - Tỷ lệ	Ngày cấp	Quan hệ với bà mẹ
1				
2				
3				

**Tóm tắt về hoàn cảnh** (về trường hợp bà mẹ tái giá; con nuôi; tình hình thân nhân; hiện mẹ sống với ai) .....

**Giấy tờ làm căn cứ xét duyệt, gồm:**

Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công có chứng thực của UBND xã.

Bản sao Giấy chứng nhận thương binh tỷ lệ SGKNDLĐ từ 81% trở lên có chứng thực của UBND xã.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): .....

Người kê khai cam đoan về lời khai trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....Ngày .... tháng.... năm 20....

**NGƯỜI KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Mẫu số 02/BMAH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ỦY QUYỀN****Kê khai đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước  
“Bà mẹ Việt Nam anh hùng”****Kính gửi:** Ủy ban nhân dân xã (phường) .....  
huyện ..... tỉnh .....

Tên tôi là: .....; bí danh:..... ;

Năm sinh:..... ;

Nguyên quán:..... ;

Chỗ ở hiện nay:..... ;

Nghề nghiệp:..... ;

là: ..... của bà mẹ:..... ;

thuộc đối tượng được tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Nay ủy quyền cho ông (bà): .....; sinh năm:..... ;

là:..... ;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chịu trách nhiệm đứng tên kê khai đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
**(PHƯỜNG)**

Ông (bà): .....

Có hộ khẩu thường trú tại địa phương và  
ký ủy quyền là đúng.*(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)*

.....Ngày ..... tháng .... năm 20...

**NGƯỜI ỦY QUYỀN***(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Mẫu số 03/BMAH**

UBND HUYỆN .....  
 UBND XÃ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN**  
**XÉT ĐỀ NGHỊ TẶNG HOẶC TRUY TẶNG DANH HIỆU VINH DỰ**  
**NHÀ NƯỚC “BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG”**

Thi hành Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20/10/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và Nghị định số: /NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 20.... của Chính phủ.

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 20.... tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ..... tổ chức cuộc họp để xét duyệt và đề nghị Nhà nước tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Thành phần gồm:

1. Ông (bà):.....;
2. Ông (bà):.....;
3. Ông (bà):.....;
4. Ông (bà):.....;
5. Ông (bà):.....;
6. Ông (bà):.....;
7. Ông (bà):.....;
8. Ông (bà):.....;
9. Ông (bà):.....;

Sau khi xác minh hồ sơ, đối chiếu quy định về đối tượng xét tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Chúng tôi thống nhất đề nghị: Tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho:

Bà: .....; năm sinh: ..... ;  
 vì đã có: ..... là liệt sỹ; .....  
 con là thương binh suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; bản thân là.....

Hội nghị kết thúc hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20....

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN THỂ**

**TM. ĐẢNG ỦY**

..ngày .... tháng .... năm 20...

**TM. UBND XÃ**

**Mẫu số: 04/BMAH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**ĐỀ NGHỊ TẶNG HOẶC TRUY TẶNG**  
**DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC “BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG”**  
*(Kèm theo Tờ trình số: ...../TTr-UBND ngày ..... tháng .... năm 20... của UBND ....)*

TT	THÔNG TIN VỀ BÀ MẸ						THÔNG TIN VỀ LIỆT SỸ, THƯƠNG BINH							Ghi chú	
	Họ và tên	Năm sinh	Tình hình hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Nguyên quán Nơi đăng ký h/sơ	Tổng số LS, TB	Họ và tên LS và TB	Quan hệ với bà mẹ			Số Bằng TQGC (Số h/sơ)	Số GCNTB		Tỷ lệ TT
									Con đẻ	Con nuôi	Chồng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

\* **Ghi chú:** Mục (4) ghi tình hình bà mẹ: Còn sống, từ trần, liệt sỹ.

.....Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

*(Ký, đóng dấu)*



**Mẫu số 01/HCDL**

Tỉnh: Thừa Thiên Huế  
 Huyện, thị xã, thành phố: .....  
 Xã (phường, thị trấn):

**BẢN KHAI**  
**Về những người của gia đình có nhiều liệt sỹ được đề nghị**  
**tặng thưởng Huân chương Độc lập**

**PHẦN CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC XÉT KHEN THƯỞNG**

1. Họ và tên chồng: .....  
 Ngày tháng năm sinh: .....  
 Nguyên quán: .....  
 Nơi ở hiện nay: .....  
 Dân tộc: .....  
 Họ và tên vợ: .....  
 Ngày tháng năm sinh: .....  
 Nguyên quán: .....  
 Nơi ở hiện nay: .....  
 Dân tộc: .....
2. Số liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và Liệt sỹ là Anh hùng lực lượng vũ trang trong gia đình được tính để xét khen thưởng
  - Số liệt sỹ: .....
  - Số thương binh: .....
  - Số người hưởng chính sách như thương binh: .....
  - Số liệt sỹ là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: .....

**DANH SÁCH LIỆT SĨ**

TT	Họ và tên liệt sỹ Ngày hi sinh	Nguyên quán	Số bằng TQGC	Quan hệ với người được KT	Nơi đang quản lý hưởng chính sách	Ghi chú
1						
2						
3						

Chú ý: Nếu liệt sỹ là Anh hùng lực lượng vũ trang thì ghi thêm vào cột “Ghi chú”.

**DANH SÁCH THƯƠNG BINH VÀ NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH  
NHƯ THƯƠNG BINH**

TT	Họ và tên	Nguyên quán	- Hạng thương tật - Số giấy chứng nhận	Quan hệ với người được KT	Nơi đang quản lý hưởng chính sách	Ghi chú

- Thái độ chính trị của gia đình liệt sỹ.

.....  
 .....  
 .....

- Ý kiến nhận xét và đề nghị của địa phương.

.....  
 .....  
 .....

Đại diện của gia đình liệt sỹ  
(ký tên)

Ngày.....tháng.....năm.....  
 UBND XÃ (PHƯỜNG)  
 CHỦ TỊCH  
 (Ký tên và đóng dấu)

NHẬN XÉT CỦA TRƯỞNG  
 PHÒNG LĐTĐ QUẬN  
 (HUYỆN)

XÁC NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG  
 THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Ngày.....tháng.....năm.....  
 GIÁM ĐỐC  
 (Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 02/UQ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ỦY QUYỀN****Kê khai hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương Độc lập****Kính gửi:** Ủy ban nhân dân xã (phường) .....  
huyện ..... tỉnh .....

Tên tôi là: .....; bí danh:..... ; năm sinh:.....;

Nguyên quán:.....;

Chỗ ở hiện nay:.....;

Nghề nghiệp:.....;

là: ..... của ông, bà.....;

thuộc đối tượng được tặng thưởng Huân chương Độc lập.

Nay ủy quyền cho ông (bà): .....; sinh năm:.....;

là: ..... của ông, bà .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chịu trách nhiệm kê khai hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương Độc lập cho ông,  
bà .....**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
**(PHƯỜNG)**

Ông (bà): .....

Có hộ khẩu thường trú tại địa phương và  
ký ủy quyền là đúng.*(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)*

.....ngày ..... tháng .... năm 20...

**NGƯỜI ỦY QUYỀN***(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Mẫu số 05/XN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN XIN XÁC NHẬN MẤT BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”****Kính gửi:** .....

Tôi tên là: .....

Sinh năm: ....., giới tính: .....

Nguyên quán: .....

Trú quán: .....

Mối quan hệ với liệt sĩ: .....

Họ và tên liệt sĩ: .....

Sinh năm: ....., giới tính: .....

Nguyên quán: .....

Hy sinh ngày tháng năm .....

Cấp bậc/Chức vụ khi hy sinh: .....

Bằng Tổ quốc ghi công số: theo Quyết định số ..... ngày ..... / ..... / ..... của  
.....

Lý do không lưu giữ được Bằng Tổ quốc ghi công:

....., ngày.... tháng..... năm 2.....

....., ngày.... tháng...năm 2.....

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
**(PHƯỜNG)****Người làm đơn**  
**(Ký, ghi rõ họ và tên)**.....  
.....  
.....  
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

**Xác nhận của Phòng LĐTBXH .....**

Liệt sĩ đã được cấp Bằng Tổ quốc ghi công. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét xác nhận.

..... , ngày.... tháng...năm 2.....

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế**

Liệt sĩ đã được cấp Bằng Tổ quốc ghi công, các thông tin về liệt sĩ như đã trình bày trong đơn là đúng với hồ sơ đang quản lý tại Sở.

..... , ngày.... tháng...năm 2.....

**GIÁM ĐỐC**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/CT-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 3 năm 2018*

**CHỈ THỊ**  
**Về việc triển khai thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015**

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 (sau đây gọi chung là Bộ luật Hình sự năm 2015) là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách tư pháp theo hướng tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng; cụ thể hóa các quy định liên quan của Hiến pháp năm 2013; hoàn thiện thể chế, tạo khung pháp luật hình sự hữu hiệu nhằm tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ và thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước.

Để triển khai thi hành kịp thời, đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả Bộ luật Hình sự năm 2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ, công việc được phân công tại Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV cho các lực lượng trực tiếp thi hành Bộ luật Hình sự.

2. Các Sở, ban, ngành khẩn trương hoàn thành việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý được phân công có liên quan đến Bộ luật Hình sự năm 2015, đặc biệt là các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm thi hành hiệu quả Bộ luật Hình sự; gửi kết quả về Sở Tư pháp trước ngày 25 tháng 3 năm 2018 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện nghiêm nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền Bộ luật Hình sự năm 2015 trong phạm vi đã được phân công, trong đó chú trọng tăng cường phổ biến, tuyên truyền Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo, phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh và các Sở, ngành hữu quan khác trong việc phổ biến, tuyên truyền về Bộ luật Hình sự năm 2015 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tích cực phối hợp phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về Bộ luật Hình sự năm 2015, nhất là những nội dung mới để nghiêm chỉnh chấp hành; phối hợp giám sát hoạt động của người thi hành công vụ, bảo đảm thực hiện tốt các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14.

6. Giao Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Khắc Đính**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: [congbao@thuathienhue.gov.vn](mailto:congbao@thuathienhue.gov.vn);

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Sản xuất bao bì Huế.